

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày 25 tháng 5 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
 2. Ông Đào Xuân Hải.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.
- **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp : “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-DS ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/TB-TA ngày 11/5/2022 giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: Chị Dương Thị A, sinh năm 1988 (Có mặt)
Cư trú: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B
- * Bị đơn: Anh Giáp Hồng T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Cư trú: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B.
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
Cư trú: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B
 - Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Cư trú: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B.
- * Đại diện theo ủy quyền của Anh Nguyễn Văn T:
 - Chị Dương Thị A, sinh năm 1988 (Có mặt)
Cư trú: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện không ghi ngày tháng năm và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 28/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị A trình bày:*

Ngày 09/4/2019 Anh Giáp Hồng T (là lái xe cho gia đình chị) đến vay vợ chồng chị (Dương Thị A, Nguyễn Văn T) số tiền 10.000.000đồng tiền mặt. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay tiền là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Chị đã đưa đủ 10.000.000đồng cho anh T. Đến ngày 09/5/2019 Dương lịch anh T không trả gốc và lãi. Chị đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh T không trả tiền gốc lãi đồng nào. Tại giấy vay tiền ngày 09/4/2019 dương lịch này thì Anh Giáp Hồng T là người viết và ký nhận giấy vay tiền này. Tại dòng đầu tiên ghi “Hôm nay ngày 09 tháng 4 năm 2019” thì do anh T viết sai tháng nên chị yêu cầu anh T ghi đúng là tháng 4 bằng mực xanh. Tại dòng ghi: ngày 09 tháng 04 năm 2019” chị ghi nhầm là ngày 09 tháng 04 năm 202 nên chị sửa thành ngày 09 tháng 04 năm 2019 (ghi nhầm số 202 thành số 2019). Nay chị yêu cầu anh T trả vợ chồng chị số tiền 10.000.000đồng gốc và tiền lãi (tài sản chung vợ chồng) từ ngày 09/4/2019 dương lịch đến nay tính tròn là 03 năm với lãi suất 0,75%/tháng. Chị xác định chị Nguyễn Thị D không có mặt và không tham gia giao dịch vay tiền này nên không buộc chị D phải trả nợ vợ chồng chị.

Ngày 12/6/2019 anh Giáp Hồng T tiếp tục đến vay vợ chồng chị (Dương Thị A, Nguyễn Văn T) số tiền 30.000.000đồng tiền mặt. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay tiền là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Chị đã đưa đủ 30.000.000đồng cho anh T. Đến ngày 12/7/2019 Dương lịch anh T không trả gốc và lãi đồng nào. Chị đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh T không trả tiền gốc lãi đồng nào. Tại giấy vay tiền ngày 12/6/2019 dương lịch này thì Anh Giáp Hồng T là người viết và ký nhận giấy vay tiền. Nay chị yêu cầu anh T trả vợ chồng chị số tiền 30.000.000đồng gốc và tiền lãi (tài sản chung vợ chồng) từ ngày 12/6/2019 dương lịch đến nay tính tròn là 02 năm 10 tháng với lãi suất 0,75%/tháng. Chị Nguyễn Thị D không có mặt và không tham gia giao dịch vay tiền này nên không buộc chị D phải trả nợ vợ chồng chị.

* Bị đơn là anh Giáp Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 12/TB-TLVA, ngày 10/2/2022; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 13/2022/QĐ-CCCTLCC, ngày 23/3/2022; các giấy triệu tập; giấy triệu tập đối chất; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 12/TB-TA ngày 31/3/2022 (lần 01); Thông báo về phiên họp hòa giải số: 12/TB-TA ngày 12/4/2022 (lần 02); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/QĐXXST-DS, ngày 26/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 2022/QĐST-DS ngày 11/5/2022 đối với Anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D nhưng bị đơn là anh Giáp Hồng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị D không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà Anh Giáp Hồng T là bị đơn, chị Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D không chấp hành quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 3 Điều 144; Khoản 01 Điều 147 của BLTTDS; Điều 463; khoản 01 Điều 466; khoản 01 Điều 470; Điều 357; khoản 01 Điều 468 của BLDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Dương Thị A, buộc anh Giáp Hồng T có nghĩa vụ trả Dương Thị A tổng số tiền là: 50.350.000đồng (Trong đó: 40.000.000đồng tiền nợ gốc và 10.350.000đồng tiền nợ lãi).

2. Về án phí: Buộc anh Giáp Hồng T phải chịu 2.517.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ lần 2 đối với anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D nhưng vắng mặt. anh Nguyễn Văn T do chị Dương Thị A đại diện theo ủy quyền. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 2 khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Quá trình giải quyết vụ án này thì các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh Toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Dương Thị A, anh Nguyễn Văn T với anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D phải chịu hậu quả pháp lý.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nay Dương Thị A kiện đòi anh Giáp Hồng T có trách nhiệm trả tổng khoản tiền vay gốc 40.000.000 đồng tại các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày 09/4/2019 và ngày 12/6/2019 dương lịch là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận miệng”.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Giáp Hồng T ký nhận giấy vay nợ tiền của Dương Thị A tại các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày 09/4/2019 dương lịch (hẹn đến 09/5/2019 dương lịch trả nợ) và ghi ngày 12/6/2019 dương lịch (hẹn đến 12/7/2019 dương lịch trả nợ). Đến hạn chị A đòi nợ anh T nhiều lần nhưng không trả nợ. Chị A, anh T không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo Điều 184 BLTTDS. Tòa án yêu cầu anh T, chị D cung cấp chứng cứ và đã triệu tập anh T, chị D nhiều lần nhưng anh T, chị D không cung cấp chứng cứ, không cung cấp bản tự khai và không đến Tòa án để làm việc nên thuộc trường hợp không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo Điều 184 BLTTDS. Đối chiếu với Điều 184 BLTTDS; Điều 155; Điều 429 BLDS thì thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 BLDS và vẫn tính khoản tiền lãi đối với khoản tiền gốc 40.000.000đồng đã vay.

[5] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày 09/4/2019 dương lịch và ghi ngày 12/6/2019 dương lịch, có chữ viết, chữ ký của Anh Giáp Hồng T ở mục người vay tiền ký nhận vay tiền của bên cho vay tiền là Dương Thị A, Anh Nguyễn Văn T.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Giáp Hồng T viết và ký nhận nợ ngày 09/4/2019 dương lịch đối với số tiền 10.000.000đồng (hẹn đến 09/5/2019 dương lịch trả nợ) và ký nhận nợ ngày 12/6/2019 dương lịch đối với số tiền 30.000.000đồng (hẹn đến 12/7/2019 dương lịch trả nợ). Chị A, anh T xác định số tiền gốc, lãi anh T vay là tài sản chung nên cần xác định đây là tài sản chung vợ chồng chị A, anh T cho vay.

Căn cứ vào chứng cứ là các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày 09/4/2019 dương lịch với số tiền vay là 10.000.000đồng và ghi ngày 12/6/2019 dương lịch với số tiền vay là 30.000.000đồng. Nên xác định số tiền gốc mà anh T vay chị A, anh T ngày 09/4/2019 dương lịch là 10.000.000đồng và ngày 12/6/2019 dương lịch là 30.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp lời khai của chị A, anh T là người cho vay.

Mặt khác, vợ chồng Anh Giáp Hồng T, chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập đối chất và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng không đến làm việc và không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh liên quan đến việc vay nợ tiền này nên có cơ sở xác định anh T là người giao dịch và vay tổng số tiền gốc là 40.000.000đồng của chị A, anh T và anh T, chị D phải chịu hậu quả pháp lý do không cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh.

Đơn khởi kiện thì chị A, anh T yêu cầu chị Nguyễn Thị D cùng anh T trả nợ thì HĐXX thấy: Chị Nguyễn Thị D không viết, ký nhận nợ trong các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày 09/4/2019 dương lịch và ghi ngày 12/6/2019 dương lịch cùng anh T. Chị A, anh T cũng không đưa ra được chứng cứ xác định chị D cùng vay tiền với chồng là anh T. Mặt khác, không có chứng cứ xác định việc anh T vay 40.000.000đồng gốc của chị A, anh T nhằm phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình anh T theo các Điều 24, 25, 26, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình hoặc chị D là người biết và thừa nhận nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng. Nay chị A, anh T không yêu cầu chị D trả nợ cùng anh T nên chị D không có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả nợ cùng anh T theo Điều 27 luật Hôn

nhân và gia đình. Số tiền gốc đến nay anh T còn nợ chị A, anh T là 40.000.000đồng chưa trả. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị A, Anh Nguyễn Văn T. Buộc Anh Giáp Hồng T trả nợ chị Dương Thị A, Anh Nguyễn Văn T tổng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng là có cơ sở như Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Đến nay chị A, anh T, anh T không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 BLDS và vẫn tính khoản tiền lãi đối với tổng số tiền vay gốc 40.000.000đồng.

Đối với giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày 09/4/2019 dương lịch thì chị A, anh T yêu cầu lãi suất 0,75%/tháng, kể từ ngày vay 09/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn thời gian trả lãi là 03 năm (36 tháng), cụ thể:

Số tiền vay gốc 10.000.000đồng (vay ngày 09/4/2019 dương lịch) x 0,75%/tháng x 36 tháng (tính tròn đến ngày xét xử sơ thẩm) = 2.700.000 đồng (lãi yêu cầu anh T phải trả).

Đối với giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận có ghi ngày ngày 12/6/2019 dương lịch thì chị A, anh T yêu cầu lãi suất 0,75%/tháng, kể từ ngày vay 12/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn thời gian trả lãi là 02 năm 10 tháng (34 tháng), cụ thể:

Số tiền vay gốc 30.000.000đồng (vay ngày 12/6/2019 dương lịch) x 0,75%/tháng x 34 tháng (tính tròn đến ngày xét xử sơ thẩm) = 7.650.000 đồng (lãi yêu cầu anh T phải trả).

Ngoài ra, chị A, anh T, anh T không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Giáp Hồng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 155; Điều 194; Điều 429; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 2 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tổ tụng Dân sự; khoản 2 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc anh Giáp Hồng T có nghĩa vụ trả vợ chồng chị Dương Thị A, anh Nguyễn Văn T tổng số tiền là: 50.350.000đồng (Trong đó: 40.000.000đồng tiền nợ gốc và 10.350.000đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc anh Giáp Hồng T phải chịu 2.517.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Dương Thị A, anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho chị Dương Thị A 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0011511 ngày 10/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ánh Dương